

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG
TỈNH HẢI DƯƠNG.**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 13/6/2025.

V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Phạm Thị Lan.**

2. Bà **Hoàng Thu Hà.**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hà- Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà **Đỗ Văn Anh**- Kiểm sát viên.*

Ngày 13 tháng 6 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 274/2025/TLST- HN&GD ngày 17 tháng 4 năm 2025 về việc “ Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2025/QĐXX-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa giữa:

- **Nguyên đơn:** Chị **B Th D** sinh năm 1992.

Căn cước công dân số: 030192010134. Cấp ngày 05/4/2022. Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội – Bộ Công an.

ĐKKHKT: 18/229 B L, phường T B thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương; Cư trú: Thôn M A, xã V T, huyện T K, tỉnh H D.

- **Bị đơn:** Anh **Ng V Q**, sinh năm 1983.

Căn cước công dân số: 030083006973. Cấp ngày 05/4/2022. Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội – Bộ Công an.

ĐKKHKT: Số 18/229 B L, phường T B, thành phố H D, tỉnh H D;

Cư trú: Số 369 phố B L, phường T B, thành phố H D, tỉnh H D.

(Chị D, anh Q xin xử vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Nguyên đơn chị B Th D xin vắng mặt được thể hiện nội dung trình bày tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản phiên họp kiểm tra, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nội dung như sau:

Chị và anh Ng V Q tự nguyện tìm hiểu thời gian khoảng 06 tháng thì hai bên gia đình có tổ chức cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn tại UBND

phường T B, thành phố H D, tỉnh H D ngày 28/11/2011. Sau khi kết hôn chị về sống chung cùng bố mẹ đẻ anh Q tại địa chỉ 18/229 B L, phường T B, thành phố H D. Năm 2019 vợ chồng mua đất và năm 2020 vợ chồng xây nhà 04 tầng tại địa chỉ số 369 khu 8 B L, phường T B, thành phố H D ở riêng từ đó cho đến nay. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận thời gian khoảng 08 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn trong cuộc sống luôn bất đồng quan điểm sống không tìm được tiếng nói chung dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã nhau, thỉnh thoảng anh Q có đánh, đuổi chị ra khỏi nhà và vợ chồng có mâu thuẫn về kinh tế. Mặc dù đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng tình cảm vợ chồng không khắc phục được. Do mâu thuẫn trầm trọng chị đã làm đơn xin ly hôn anh Q và được Tòa án nhân dân thành phố H D thụ lý giải quyết. Quá trình giải quyết chị được gia đình hai bên động viên, Tòa án giải thích và vì các con để cho anh Q có cơ hội sửa chữa bản thân chị rút đơn xin ly hôn anh Q. Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án Hôn nhân và gia đình số 61 ngày 22/6/2021. Quá trình Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án vợ chồng về sống chung tại địa chỉ số 369, khu 8 phường T B, thành phố H D nhưng tình cảm vợ chồng không còn vẫn thường xuyên cãi nhau, anh Q còn đánh chị đình điểm vào tháng 03/2025 anh Q đánh đuổi chị ra khỏi nhà vì kinh tế nên chị phải về nhà bố mẹ đẻ chị thôn M Ấ, xã V T, huyện T K ở và vợ chồng sống ly thân chấm dứt quan hệ tình cảm, kinh tế từ đó cho đến nay. Từ khi chị về nhà bố mẹ đẻ chị ở, anh Q, không tìm gặp, trao đổi gọi điện đón tìm chị về chỉ có mẹ đẻ anh Q bà Ch Th Nh gọi điện khuyên bảo chị về nhưng chị xác định vợ chồng mâu thuẫn không thể về đoàn tụ được nên chị làm đơn xin ly hôn anh Q tiếp lần 02. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng chị không thể sống chung cùng anh Q được. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Ng V Q.

Về con chung: Chị và Ng V Q có 02 con chung là Ng Q B, sinh ngày 25/3/2013, Ng H M, sinh ngày 03/11/2015. Hiện nay hai con đang ở với anh Q. Trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn chị có nguyện vọng nuôi dưỡng con H M và con Q B tự nguyện không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp anh Q có nguyện vọng nuôi dưỡng hai con Q B và con H M và tự nguyện không yêu cầu chị cấp dưỡng nuôi con chị cũng nhất trí.

Về thu nhập của chị: Hiện tại chị và anh Q có cửa hàng bán quần áo tại 369 B L nên thu nhập của vợ chồng khoảng 10.000.000đ đến 15.000.000đ/tháng cũng đủ đảm bảo cuộc sống cho anh Q và các con.

Về nơi ở của chị: Từ khi chị về nhà bố mẹ chị ở chị được bố mẹ chị tạo điều kiện tốt nhất cho chị về nơi ở.

- Về tài sản chung: Vợ chồng có tài sản chung nhà đất tự giải quyết chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng không nợ ai tiền hoặc tài sản gì và ngược lại không ai nợ vợ chồng chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về công sức: Vợ chồng tự giải quyết chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Ng V Q đã nhận được quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập và xin được vắng mặt tại phiên tòa. Anh Q vắng mặt nhưng được thể hiện tại biên

bản lấy lời khai và nội dung biên bản giao nhận tài liệu ngày 05/6/2025 anh Q trình bày:

Anh và chị B Th D tự nguyện tìm hiểu, hai bên gia đình có tổ chức cưới theo phong tục tập quán. Có đăng ký kết hôn tại UBND phường T B, thành phố H D, tỉnh H D vào ngày 28/11/2011. Sau ngày tổ chức cưới chị D về sống chung cùng anh và gia đình mẹ anh tại 18/229 B L, phường T B, thành phố H D. Sau đó vợ chồng mua đất xây nhà chuyển về số 369 B L khu 8, phường T B, thành phố H D ở cho đến nay. Quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn nhỏ nhưng không có mâu thuẫn gì lớn đến năm 2021 chị D đã làm đơn xin ly hôn anh sau đó được gia đình hai bên đồng ý chị D rút đơn ly hôn và Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án. Sau thời gian Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án, vợ chồng về sống chung do thời gian gần đây vợ chồng mâu thuẫn về kinh tế, có dư luận chị D có quan hệ nam nữ ở ngoài nên tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách. Chị D tự ý bỏ nhà đi, chị D đi đâu anh không biết, chị D bỏ nhà đi khoảng gần 01 tháng nay. Từ khi chị D bỏ đi anh có gọi điện tìm chị D về nhưng chị D không nghe máy. Nay chị D làm đơn xin ly hôn anh, anh không đồng ý ly hôn vì anh vẫn còn tình cảm với chị D.

Về con chung: Anh và chị B Th D có 02 con chung là Ng Q B, sinh ngày 25/3/2013, Ng H M, sinh ngày 03/11/2015. Hiện nay hai con đang ở với anh do anh nuôi dưỡng. Trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn anh có nguyện vọng tiếp tục nuôi dưỡng hai con con H M và con Q B. Anh tự nguyện không yêu cầu chị D phải cấp dưỡng nuôi hai con chung cùng anh.

Hiện nay các con ở với anh và mẹ đẻ anh có nơi ở ổn định, kinh tế đảm bảo cho các con có sức khỏe, tinh thần học tập tốt. Tòa án giải thích nếu Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con và đề nghị anh để Tòa án lấy lời khai các con có sự giám hộ của anh nhưng anh có nguyện vọng tha thiết đề nghị Tòa án không lấy lời khai của các con vì anh sợ các con bị ảnh hưởng tâm sinh lý sẽ ảnh hưởng đến việc học tập và tinh thần của các con khi anh và chị D ly hôn.

*Tòa án xác minh tại địa phương nơi chị D và anh Q cư trú thể hiện: anh Q, chị D là người sinh sống tại khu 8 phường T B, TP. H D. Anh Q, chị D có đăng ký kết hôn tại UBND phường T B, thành phố Hải Dương vào tháng 11/2011. Hiện vợ chồng sống tại địa chỉ số 369 B L, khu 8 phường T B, thành phố H D. Quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn hay không địa phương không nắm bắt được vì anh chị không báo và nhờ chính quyền địa phương hòa giải. Hiện nay chị D không sống cùng anh Q. Hai con chung của chị D, anh Q đang ở với anh Q và mẹ đẻ anh Q (bà Ch Th Nh) tại địa chỉ trên. Chị D xin ly hôn anh Q địa phương đề nghị Tòa án căn cứ đơn khởi kiện của chị D và ý kiến của hai bên để xem xét và giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

*Tòa án lấy lời khai của bà Ph Th Ph là mẹ đẻ chị D thể hiện: Chị D và anh Q tự nguyện tìm hiểu hai bên có tổ chức cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn tại UBND phường T B, thành phố Hải Dương vào ngày 28/11/2011. Sau khi kết hôn chị D về sống chung cùng với gia đình bố mẹ đẻ anh Q tại B L. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân

mẫu thuẫn bất đồng quan điểm sống, có đánh cãi chửi nhau, tuy bà không sống cùng với anh Q, chị D nhưng khi vợ chồng mâu thuẫn chị D bỏ về nhà bà và kể lại bị anh Q đánh, đuổi ra khỏi nhà chị D bỏ về nhà bà ở. Vợ chồng mâu thuẫn vào khoảng tháng 5/2021 và chị D làm đơn xin ly hôn anh Q. Anh Q có đến nhà bà xin lỗi sau đó được gia đình bà động viên chị D rút đơn ly hôn anh Q và vợ chồng về sống cùng nhau. Quá trình chung sống vợ chồng lại phát sinh mâu thuẫn. Chị D lại bỏ về nhà bà ở T K, H D vào tháng 3/2025. Thời gian chị D về nhà bà ở anh Q không tìm gặp không liên lạc gì với gia đình bà. Chỉ có mẹ chồng chị D bà Ch Th Nh có gọi điện cho bà nhờ bà động viên chị D về sống cùng anh Q. Bà có trao đổi lại với chị D nhưng chị D bảo vợ chồng mâu thuẫn chị không về sống chung cùng anh Q được. Nay chị D xin ly hôn anh Q việc tình cảm là quyền quyết định của chị D, anh Q. Bà đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

*Tòa án lấy lời khai của Bà Ch Th Nh là mẹ đẻ anh Q hiện sống cùng anh Q và các con anh Q: Bà Nh từ chối không trình bày gì. Việc ly hôn của anh Q, chị D là quyền quyết định của anh chị bà không có ý kiến gì.

Chị B Th D, Anh Ng V Q có đơn xin xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt chị D, anh Q.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến:** Về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (viết tắt HĐXX), Th- ký phiên tòa, ng-ời tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tr-ớc thời điểm HĐXX nghị án, đã thực hiện đúng trình tự quy định của Luật tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành quy định BLTTDS vắng mặt gây khó khăn trong quá trình giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 51; Điều 56; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự (viết tắt BLTTDS); Luật phí, lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị D, xử cho chị B Th D được ly hôn anh Ng V Q.

- Về con chung: Chị D và anh Q có 02 con chung là Ng Q B, sinh ngày 25/3/2013, Ng H M, sinh ngày 03/11/2015. Giao hai con chung Ng Q B, sinh ngày 25/3/2013, Ng H M, sinh ngày 03/11/2015 cho anh Q tiếp tục nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của anh Q không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng cùng anh Q.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Chị D, anh Q không đề nghị giải quyết.

Về án phí: Chị D phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị B Th D, anh Ng V Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 và chị D, anh Q có đơn xin xử vắng mặt. Anh Q không có yêu cầu phản tố nên Tòa án xét xử vắng mặt chị D, anh Q theo khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự (viết tắt BLTTDS)

[2] Chị B Th D xin ly hôn anh Ng V Q, anh Ng V Q có đăng ký hộ khẩu thường trú ĐKHKTT: Số 18/229 B L phường T B, thành phố H D, tỉnh H D và cư trú tại: Số 369 B L, khu 8 phường T B, thành phố H D. Do vậy thẩm quyền giải quyết vụ án Hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố H D, tỉnh H D.

[3] Chị B Th D và anh Ng V Q tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND phường T B, TP. Hải Dương, tỉnh Hải Dương vào ngày 28/11/2011 là hôn nhân hợp pháp. Sau ngày kết hôn chị D về sống chung cùng gia đình mẹ đẻ anh Q và anh Q được một thời gian. Sau đó vợ chồng ra ăn riêng, ở riêng nhà đất do vợ chồng mua tại số 369 B L, khu 8 phường T B, TP. Hải Dương cho đến nay. Vợ chồng hòa thuận thời gian ngắn phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống không tìm được tiếng nói chung dẫn, anh Q có lần đánh chị D, chị D bỏ về nhà bố mẹ ở T K và chị D làm đơn xin ly hôn anh Q vào tháng 5/2021. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án được hai bên gia đình động viên chị D rút đơn ly hôn anh Q. Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án Hôn nhân và gia đình số 61 ngày 22/6/2021. Sau đó vợ chồng về chung sống nhưng vẫn xảy ra mâu thuẫn, anh Q đánh, đuổi chị vì kinh tế nên chị phải về nhà bố mẹ đẻ ở T K từ tháng 3/2025 và vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Vợ chồng sống ly thân chấm dứt mọi quan hệ tình cảm, kinh tế không ai quan tâm đến tình cảm của nhau. Do mâu thuẫn không hàn gắn được chị làm đơn xin ly hôn anh Q tiếp lần 02. Nay chị D xác định tình cảm vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Q.

Anh Q trình bày: Vợ chồng có thời gian hòa thuận. Vợ chồng đã có mâu thuẫn nhỏ. Năm 2021 chị D làm đơn xin ly hôn anh sau đó chị D rút đơn. Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án. Sau đó vợ chồng về sống chung. Gần nhất do mâu thuẫn về kinh tế, bản thân chị D có dư luận quan hệ nam nữ ở ngoài. Dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày một xa cách. Chị D bỏ nhà đi ở đâu anh không biết. Anh không đồng ý ly hôn, anh còn tình cảm nhưng không có biện pháp để vợ chồng về đoàn tụ.

Tòa án xác minh tại địa phương nơi anh Q, chị D cư trú và ý kiến của gia đình mẹ đẻ chị D bà Ph, bà Nh mẹ đẻ anh Q, Hội đồng xét xử (viết tắt HĐXX) nhận thấy: Chị D, anh Q tình cảm vợ chồng có mâu thuẫn chị D làm đơn xin ly hôn anh Q sau đó rút đơn ly hôn Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án Hôn nhân và gia đình. Vợ chồng về sống chung có xảy ra mâu thuẫn đã sống ly thân từ tháng 3/2025 cho đến nay, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm, kinh tế không ai quan tâm đến tình cảm của nhau. Chị D lại làm đơn xin ly hôn tiếp anh Q lần 02. Anh Q vắng mặt không có mặt khi Tòa án triệu tập là gây khó khăn cho giải quyết vụ án và không có biện pháp để cải thiện quan hệ vợ chồng. Do vậy HĐXX xét thấy tình cảm vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt đ-ợc nên HĐXX chấp nhận đơn xin ly hôn của chị D và HĐXX xử cho chị D được ly hôn anh Q theo Điều 51; Điều 56; 58 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị D, anh Q có 02 con chung Ng Q B, sinh ngày 25/3/2013, Ng H M, sinh ngày 03/11/2015. HĐXX xét thấy anh Q có nguyện vọng nuôi dưỡng hai con hiện hai con ở với anh Q và mẹ đẻ anh Q có nơi ở ổn định, các con ổn định về tinh thần sức khỏe, học tập. Anh Q có thu nhập cửa hàng bán quần áo. Chị D nhất trí để anh Q nuôi dưỡng hai con. Chị D, anh Q cùng đề nghị Tòa án không lấy lời khai của các con vì sợ các con sẽ ảnh hưởng tâm sinh lý, tinh thần, sức khỏe học tập và chị D cũng tự nguyện nhất trí để anh Q nuôi dưỡng hai con. Xét yêu cầu của anh Q và sự tự nguyện của chị D không trái đạo đức xã hội phù hợp pháp luật. Nên giao cho anh Q tiếp tục nuôi dưỡng con chung Ng Q B, sinh ngày 25/3/2013, Ng H M, sinh ngày 03/11/2015 đến khi các con trưởng thành đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của anh Q không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi các con chung hàng tháng cùng anh Q.

[4] Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Anh Q, chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Chị D phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000đ đối trừ tiền tạm ứng án phí chị Dung đã nộp là 300.000đ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51; 56; 58; 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia Đình; khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147 BLTTDS; Luật phí, lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, án phí, lệ phí Tòa án.

- Xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị B Th D xin ly hôn anh Ng V Q.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị B Th D được ly hôn anh Ng V Q.

2. Về con chung xử: Giao cho anh Ng V Q tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung Ng Q B, sinh ngày 25/3/2013, Ng H M, sinh ngày 03/11/2015 cho đến khi các con trưởng thành đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của anh Q không yêu cầu chị B Th D cấp dưỡng nuôi các con chung hàng tháng cùng anh Q.

Chị B Th D có quyền đi lại chăm sóc, giáo dục các con chung không ai được ngăn cản.

3. Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Chị B Th D, anh Ng V Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị B Th D phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn được đối trừ 300.000đ vào khoản tiền 300.000đ do chị D đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0001343 ngày 16/4/2025 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Dương; Chị B Th D đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị B Th D, anh Ng V Q đ- ợc quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đ- ợc bản án hoặc bản án đ- ợc niêm yết.

Nơi nhận:

- VKS TP Hải D- ơng;
- Các đ- ơng sự;
- UBND phường Tân Bình, TP. Hải Dương (để ghi sổ hộ tịch);
- Chi cục Thi hành án dân sự TP. Hải D- ơng;
- L- u hồ sơ.
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Thu H^ong

